

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 21/02/2020

V/ v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Phương và ông Bằng Công Hiệp.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2020/QĐXX-PT ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh A, sinh năm 1988.

HKTT: Xóm X, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Chị B, sinh năm 1993.

HKTT: Xóm V, xã TĐ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm D, xã DP, huyện CP, tỉnh H.

(Có mặt)

3. Người kháng cáo: Chị B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn anh A trình bày: Anh và chị B kết hôn với nhau vào ngày 05/5/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, lừa dối ai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TĐ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh A. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng đầu năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Hơn nữa, chị B chỉ biết lo cho bản thân và không có trách nhiệm với gia đình nhà chồng. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh và chị B sống ly thân từ tháng 07/2019 cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là C, sinh ngày 10/9/2015. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh A xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn chị B trình bày: Thời gian kết hôn như anh A trình bày là đúng. Quá trình chung sống cũng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hơn nữa cuộc sống chung giữa chị và bố mẹ chồng có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, về việc anh A xin ly hôn chị cũng nhất trí.

Về con chung: Như anh A trình bày là đúng. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con vì cháu còn nhỏ, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án số 31/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271 và Điều 273 của BLTTDS và các điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh A, cho anh A được ly hôn với chị B.

2. Về con chung: Giao cháu C, sinh ngày 10/9/2015 cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu C trưởng thành (18 tuổi) và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân hoặc có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B vì anh A tự nguyện chưa yêu cầu.

Chị B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, ngăn cấm. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000914 ngày 26/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Anh A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/12/2019 chị B có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị được trực tiếp nuôi con chung C, sinh ngày 10/9/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị B làm trong hạn luật định, đã nộp đủ phí kháng cáo là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị B về việc xin nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mong muốn xin nuôi con là cháu C, sinh ngày 10/9/2015 của chị B là chính đáng. Tại cấp phúc thẩm, chị B xuất trình tài liệu “xác nhận thừa kế đất ở, nhà ở” và anh A xuất trình tài liệu anh được bố mẹ tặng cho 01 cửa hàng kinh doanh tạp hóa và ngôi nhà 02 tầng trên diện tích 200m² cùng 01 trang trại có diện tích 3.244m² có xác nhận của chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử nhận thấy anh A và chị B đều có điều kiện kinh tế để đảm bảo việc chăm sóc con chung. Nhưng xem xét một cách toàn diện anh A hiện đang làm kinh doanh tự do, có nhà cửa, thu nhập ổn định và có nhiều thời gian dành cho con hơn. Do vậy để bảo đảm cho cháu C phát triển tốt nhất về mọi mặt cần giao cháu C cho anh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục như quyết định Tòa án sơ thẩm là có

căn cứ, phù hợp với thực tế.

[3]. Về mức cấp dưỡng: Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay chị B không kháng cáo về việc cấp dưỡng do vậy HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh A và chị B đều xác định không có, không đề nghị xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKS phát biểu sự tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của chị B, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ. Về án phí, chị B phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của chị B, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh A, anh A được ly hôn với chị B.

2. Về con chung: Giao cho anh A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu C, sinh ngày 10/9/2015 cho đến khi cháu C trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị B có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị B do anh A chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh A, chị B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận anh A đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000914 ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm, xác nhận chị B đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000941 ngày 05 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện P;
- THADS huyện P;
- UBND TT. TĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Thuận

